

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Giới
Ông Hoàng Xuân Tư

- Th ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 442/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2025, giữa:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986; (Có đơn xin vắng mặt)

* Bị đơn: **Nguyễn Hữu H2**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Đội 4, ấp S, xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu H2 tự nguyện chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 21/7/2005. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, về sau này thì chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, không đồng quan điểm sống và không có sự thương yêu chia sẻ với nhau trong cuộc sống; anh H2 có tật chơi bài bạc gây nợ nần và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, hiện tại chị H và anh H2 đã sống ly thân. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên yêu cầu được ly hôn với anh H2.

Trong thời gian chung sống, chị H và anh H2 có 03 con chung là cháu Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 11/6/2006; cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày

16/7/2008 và cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 17/9/2017. Hiện tại cháu H3 đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với 02 con chung là cháu Mỹ L và cháu Anh Th, khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con trưởng thành, không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H không còn yêu cầu nào khác.

*** Bị đơn anh Nguyễn Hữu H2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do.**

Tại phiên tòa:

Các đương sự đều vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (TTDS).

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Giao 02 con chung là cháu Mỹ L, sinh ngày 16/7/2008; cháu Anh Th, sinh ngày 17/9/2017 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn; yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật TTDS. Do bị đơn anh H2 có nơi cư trú tại Đội 4, ấp S, xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật TTDS.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[3] Chị H và anh H2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 21/7/2005. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ). Nhận thấy chị H và anh H2 sau khi kết hôn sống chung hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau này vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, không đồng quan điểm sống, không có sự thương yêu chia sẻ với nhau trong cuộc sống; vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị H cho rằng anh H2 thường xuyên chơi bài bạc gây nợ nần, ngoài ra còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó năm 2023 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã

nhiều lần tổ chức phiên hòa giải tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng anh H2 không đến Tòa án tham gia hòa giải, điều này chứng tỏ anh H2 cũng không có thiện chí cùng chị H đoàn tụ gia đình. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn với anh H2. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh H2 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51, 56 Luật HNGĐ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H2.

[4] Quá trình chung sống, chị H và anh H2 có 03 con chung là cháu Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 11/6/2006; cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 16/7/2008 và cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 17/9/2017. Do cháu H3 đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Mỹ L và cháu Anh Th; anh H2 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải và thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Xét yêu cầu về nuôi con của chị H phù hợp với nguyện vọng của các con, đồng thời chị H có đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao cháu Mỹ L và cháu Anh Th cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với anh H2, mặc dù không trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, nhưng sau khi ly hôn anh H2 có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, anh H2, chị H cũng có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị H và anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H2.

2. Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 16/7/2008 và cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 17/9/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Đối với con chung là cháu Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 11/6/2006, do hiện nay cháu đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác:* Không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Tuy nhiên, nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con chung gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của người trực tiếp nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích tốt nhất về mọi mặt của các cháu Nguyễn Thị Mỹ L, cháu Nguyễn Anh Th, chị H, anh H2 có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết việc cấp dưỡng hoặc việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010838 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Chị H không phải nộp thêm án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước (01);
- Viện KSND huyện Đ (01);
- Chi cục THADS huyện Đ (01);
- UBND xã TH, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HSVA, HNGĐ(03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh